

Số: **03** /BVTM
Về việc mời chào giá hóa chất
xét nghiệm cần thiết

An Giang, ngày 06 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh Viện Tim Mạch có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở mua sắm hóa chất xét nghiệm cần thiết phục vụ cho bệnh nhân, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh Viện Tim mạch An Giang
- Thông tin liên hệ:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Phan Thị Diễm Trúc	PTK. Dược	0985535886
2	Võ Văn Đủ	NV K. Dược	0364648972

- Thông tin tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Tổ chức – Hành chính, Bệnh viện Tim Mạch An Giang
 - Địa chỉ: Số 8, Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại: Phòng Tổ chức – Hành chính (ngoài bì thư ghi nội dung: Báo giá hóa chất xét nghiệm cần thiết)
 - Nhận file mềm qua email: bvtimmach@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h giờ 00 ngày 06 tháng 01 năm 2025 đến 17 giờ 00 ngày 16 tháng 01 năm 2025 Các báo giá được nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất xét nghiệm (phụ lục đính kèm)
- Báo giá theo mẫu (phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

Bùi Hữu Minh Trí

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú:*

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

DANH MỤC HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM CẦN THIẾT

(Kèm theo Công văn mời chào giá số: 03 /BVTM ngày 06/01/2025 của BVTMAG)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Ống nghiệm heparin	Ống nhựa PP Có chứa chất kháng đông Heparin Lithium 1ml hoặc 2ml Nắp màu đen Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	ống	4,800	
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Thuốc thử xét nghiệm Glucose. Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method Dài tuyến tính: 0.3-28 mmol/L . Bước sóng: ≥ 510 nm. Thành phần gồm: Hóa chất R1: Phosphate buffer ≥ 100 mmol/L Ascorbate oxidase ≥ 4700 U/L Glucose oxidase ≥ 4000 U/L Hóa chất R2: Phosphate buffer ≥ 100 mmol/L Peroxidase ≥ 6700 U/L 4-Aminoantipyrine ≥ 0.7 mmol/L p-Hydroxybenzoic acid sodium ≥ 1.3 mmol/L - Thuốc thử dự thầu không được sang chiết. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện	ml	1,824	
3	Lactate	Thuốc thử xét nghiệm lactate trong huyết tương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện	ml	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	<p>Thuốc thử xét nghiệm Creatinine. Phương pháp : IFCC Sarcosine Oxidase Method. Dải tuyến tính : 10-7000 $\mu\text{mol/L}$. Bước sóng: $\geq 546 \text{ nm}$. Thành phần gồm: R1: CRTase $>40\text{KU/L}$ Sarcosine Oxidase $>7\text{KU/L}$ Ascorbic acid oxidase $\geq 2\text{KU/L}$ Catalase $>100\text{KU/L}$ ESPMT $\geq 0.47\text{mM}$ R2: Creatininase $>400\text{KU/L}$ Peroxidase $>50\text{KU/L}$ 4-aminoantipyrine $\geq 2.95 \text{ mmol/L}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc thử dự thầu không được sang chiết. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện 	ml	320	
5	Hóa chất dùng Calib cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	<p>Hoá chất Calibrator được sử dụng để hiệu chuẩn xác định định lượng các chất phân tích hóa học thông thường. Hoá chất Calibrator là một chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện 	ml	30	
6	Hóa chất dùng nội kiểm hoạt động xét nghiệm sinh hóa thường qui. (Mức 1)	<p>Hoá chất nội kiểm Control (level 1) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng. Hoá chất nội kiểm Control (level 1) là chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện 	ml	50	
7	Hóa chất dùng nội kiểm hoạt động xét nghiệm sinh hóa thường qui. (Mức 2)	<p>Hoá chất nội kiểm Control (level 2) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng Hoá chất nội kiểm Control (level 2) là chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy sinh hoá tại bệnh viện 	ml	50	

SIT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Reagent Pack SFRI for ISE 5000	Hóa chất điện giải 5 thông số. Thành phần : Potassium chloride : ≤ 7.64 mmol/L; Sodium chloride: ≤ 356.09mmol/L; Calcium chloride: ≤ 2.775 mmol/L; Calcium acetate monohydrate: ≤ 1.23 mmol/L; Deionized water: 99% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích máy ion đồ tại bệnh viện	ml	4,000	
9	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng. Thành phần: Chloride, sulfate, preservative solution, anticoagulant, buffer solution and surface active agent NaCl ≤ 9.4%, Buffer ≤ 1.6%, Anti-Microbial Agent ≤ 1.0% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện	ml	60,000	
10	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa - Thành phần: Chloride, sulfate, preservative solution, anticoagulant, buffer solution and surface active agent Buffer < 0.3% Proteolytic Enzyme < 0.20025 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện	ml	20,000	
11	Dung dịch ly giải hồng cầu	Dung dịch ly giải- - Thành phần: Chloride, sulfate, preservative solution, anticoagulant, buffer solution and quaternium Quaternary Ammonium Salt < 10%, Sodium Lauryl Sulfate < 1.5% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện	ml	2,000	
12	Dung dịch chuẩn	- Dung dịch chuẩn 3 mức sử dụng cho máy phân tích huyết học. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO:13485 hoặc tương đương - Tương thích máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện	ml	9	
Gồm 12 khoản					